|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày | 12/12/2023 | 14/12/2023 |
| 4/12/2023 | Tiết | 4 | 5 |
| Lớp | 9C | 9D |

 ...............................................................

**Tiết 30 - Bài 29: BỆNH VÀ TẬT DI TRUYỀN Ở NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức, kỹ năng:** Sau khi học xong bài này, học sinh:

***a) Kiến thức***

- Biết được bệnh Đao và bệnh Tơcnơ qua các đặc điểm hình thái.

+ Biết được đặc điểm di truyền của bệnh bạch tạng, bệnh câm điếc bẩm sinh và tật 6 ngón tay.

- HIểu để phân tích các nguyên nhân của các tật bệnh di truyền và đề xuất được 1 số biện pháp hạn chế phát sinh chúng.

- Vận dụng để giải thích một số vấn đề thực tiễn.

***b. Kĩ năng:***

- Tiếp tục rèn và củng cố kĩ năng thu thập thông tin, xử lí tỡnh huống, hoạt động nhóm...

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

***a. Các phẩm chất***

**-** Phát huy tính chăm chỉ, tự học, sống có tinh thần và trách nhiệm trong công việc.

***b. Các năng lực chung***:

- Năng lực giao tiếp, tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác

***c. Các năng lực chuyên biệt***

- Năng lực hiểu biết sinh học, nghiên cứu.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**

Tranh phóng to hình bệnh Đao và bệnh Tơcnơ.

- Tranh phóng to các tật di truyền có trong bài.

**2. Học sinh**

- Đồ dùng học tập, giấy nháp

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. Hoạt động khởi động (6 phút)**

*Bài tập*: Qua phả hệ sau đây, hãy cho biết bệnh máu khó đông do gen lặn hay gen trội quy định? Bệnh có di truyền liên kết với giới tính hay không?

 Bình thường

 Máu khó đông

GV cho HS nghiên cứu 3 dòng đầu của bài học và trả lời câu hỏi (3 phút)

- Bệnh và tật di truyền ở người khác với bệnh thông thường những điểm nào?

- Nguyên nhân gây bệnh?

(- Bệnh do đột biến gen, đột biến NST gây ra.

- Nguyên nhân: + Các tác nhân lí hoá trong tự nhiên

 + Ô nhiễm môi trường.

 + Rối loạn quá trình sinh lí, sinh hoá nội bào.)

- GV có thể giới thiệu thêm vài con số: đến năm 1990, trên toàn thế giới người ta đã phát hiện ra khoảng 5000 bệnh di truyền, trong đó có khoảng 200 bệnh di truyền liên kết với giới tính. Tỉ lệ trẻ em mắc hộichứng Đao là 0,7 - 1,8 % 9ở các trẻ em do các bà mẹ tuổi trên 35 sinh ra).

- GV có thể đề cập đến vấn đề ô nhiễm môi trường (trang 88 -SGK) liên hệ đến ô nhiễm môi trường ở địa phương.

**B. Hoạt động hỡnh thành kiến thức.**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **HOẠT ĐỘNG 1*****Một vài bệnh di truyền ở người ( 15phút)*** |
| - Yêu cầu đại diện 1 nhóm lên báo cáo trên phiếu học tập đó chuẩn bị ở nhà cõu hỏi “ Trỡnh bày nguyờn nhõn, biểu hiện bệnh Đao, bệnh Tocno, bệnh bạch tạng và câm điếc bẩm sinh ” - Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, đánh giá, đưa ra các câu hỏi thắc mắc cho nhóm bạn.- GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các nhóm.- GV chốt lại kiến thức.? Vì sao những bà mẹ trên 35 tuổi, tỉ lệ sinh con bị bệnh Đao cao hơn người bình thường?? Những người mắc bệnh Đao không có con, tại sao nói bệnh này là bệnh di truyền? - GV hướng dẫn lại cách tìm hiểu và đặc điểm nhận biết về một số bệnh di truyền cho HS yếu, kém.- GV yêu cầu HS tự rút ra kết luận. | - Đại diện một nhóm lên báo cáo sản phẩm. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung và đưa ra các câu hỏi thắc mắc.- HS suy nghĩ trả lời cõu hỏi.+ Những bà mẹ trên 35 tuổi, tế bào sinh trứng bị não hoá, quá trình sinh lí sinh hoá nội bào bị rối loạn dẫn tới sự phân li không bình thường của cặp NST 21 trong giảm phân.+ Người bị bệnh Đao không có con nhưng bệnh Đao là bệnh di truyền vì bệnh sinh ra do vật chất di truyền bị biến đổi.- HS yếu, kém theo dõi, tiếp thu.- HS tự rút ra kết luận. |
| **\*Kết luận**- Bảng chuẩn |

**Bảng chuẩn : *Tìm hiểu về bệnh di truyền***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên bệnh** | **Đặc điểm di truyền** | **Biểu hiện bên ngoài** |
| 1. Bệnh Đao | *- Cặp NST số 21 có 3 NST* | *- Bé, lùn, cổ rụt, má phệ, miệng hơi há, lưỡi hơi thè ra, mắt hơi sâu và 1 mí, ngón tay ngắn, si đần, không có con.* |
| 2. Bệnh Tơcnơ | *- Cặp NST số 23 ở nữ chỉ có 1 NST (X)* | *- Lùn, cổ ngắn, là nữ**- Tuyến vú không phát triển, mất trí, không có con.* |
| 3. Bệnh bạch tạng | *- Đột biến gen lặn* | *- Da và màu tóc trắng.**- Mắt hồng* |
| 4. Bệnh câm điếc bẩm sinh | *- Đột biến gen lặn* | *- Câm điếc bẩm sinh.* |

|  |
| --- |
| **HOẠT ĐỘNG 2*****Một số tật di truyền ở người(10phút)*** |
| - Yêu cầu HS quan sát H 29.3? Nêu các dị tật ở người?? Đặc điểm của một số dị tật ở người?? Nguyên nhân gây ra các dị tật?- GV yêu cầu HS tự rút ra kết luận. | - HS quan sát H 29.3 và kể tên các dị tật ở người. Đại diện trình bày, lớp nhận xét bổ sung.- HS tự rút ra kết luận |
| **\* Kết luận**- Đột biến NST và đột biến gen gây ra các dị tật bẩm sinh ở người. |
| **HOẠT ĐỘNG 3*****Các biện pháp hạn chế phát sinh tật, bệnh di truyền (6phút)*** |
| -Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn trong 2 phút và trả lời câu hỏi:? Các bệnh và tật di truyền ở người phát sinh do nguyên nhân nào?? Đề xuất các biện pháp hạn chế sự phát sinh các bệnh tật di truyền?? Theo em để hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, chúng ta cần làm gì? ? Tại sao cần đấu tranh chống sản xuất, thử, sử dụng vũ khí hạt nhân, vũ khí hoá học và các hành vi gây ô nhiễm môi trường?? Theo em như thế nào là sử dụng đúng quy cách thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, thuốc chữa bệnh? - GV yêu cầu HS tự rút ra kết luận. | - HS thảo luận nhóm, thống nhất trả lời.- Đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.- HS tự rút ra kết luận. |
| **\*Kết luận**- Nguyên nhân:+ Do tác nhân vật lí, hoá học-> rối loạn trao đổi chất nội bào.- Biện pháp:+ Hạn chế các hoạt động gây ô nhiễm môi trường.+ Sử dụng hợp lí các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ dại, thuốc chữa bệnh.+ Hạn chế kết hôn giữa những người có nguy cơ mang gen gây các tật bệnh di truyền. |

**C. Hoạt động luyện tập (4 phút)**

- GV: Qua bài học này em cần nắm vững những vấn đề gì?

+ HS lên bảng trình bày bằng bản đồ tư duy. Các HS khác làm ra giấy nháp.

- Yêu cầu HS nhận xét, chấm điểm HS lên bảng. GV thu chấm một số bài của HS

**D. Hoạt động vận dụng (2ph)**

- Yêu cầu HS làm bài tập trắc nghiệm:

1. Bệnh, tật di truyền ở người do loại biến dị nào gây ra:

a. Biến dị tổ hợp b. Đột biến gen

c. Đột biến NST d. Thường biến

 2. Câu sau đây có nội dung đúng khi nói về bệnh Đao:

 a. Chỉ xảy ra ở trẻ nam. b. Chỉ xảy ra ở trẻ nam.

 c. Xảy ra ở cả nam và nữ. d. Chỉ xảy ra ở người lớn.

- Yờu cầu HS trả lời cõu 1,2,3 SGK

**E. Hoạt động tìm tòi và mở rộng (2ph)**

- Học bài và trả lời câu hỏi 1, 2, 3 SGK.

- Đọc mục “Em có biết”

- Xem trước bài 30” Di truyền học với con người”

+ Di truyền học với hôn nhân

+ Di truyền học với kế hoạch hóa gia đình.

**IV. PHỤ LỤC**